

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST
Ngày 06-5-2020
V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Anh L.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thị H.**

2. Ông **Lý Đức P.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt C** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà **Võ Thu H** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý **số: 24/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020** về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử **số: 570/2002/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020** giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Mã Mí B** – Sinh năm: 1992.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Mông; Trình độ văn hóa: 6/12.

Địa chỉ: Tổ 14, thị trấn Nông trường L, huyện V, tỉnh Hà Giang.

Hôm nay vắng mặt (Đã có đơn xin giải quyết vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị **Vừ Thị P** – Sinh năm: 1997.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Mông; Trình độ văn hóa: 8/12.

Địa chỉ: Tổ 14, thị trấn Nông trường L, huyện V, tỉnh Hà Giang.

Hôm nay vắng mặt (Đã có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 16-3-2020 của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án là anh **Mã Mí B** trình bày: Anh B và chị P trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 12 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nông trường L, huyện V, tỉnh Hà Giang. Sau khi về chung sống với nhau, anh B và chị P chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 8 năm 2018, thì vợ chồng anh B và chị P

phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do cuộc sống gia đình anh B, chị P có nhiều điều bất đồng trong việc làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, chị P không quan tâm chăm lo đến gia đình. Anh B xét thấy tình cảm của vợ, chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục nữa nên có quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh B ly hôn với chị P để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh B và chị P có một con chung:

Cháu Mã Thị T – Sinh ngày: 30/6/2016.

Hiện tại, cháu T đang ở với anh B. Anh Mã Mí B có nguyện vọng sau khi ly hôn, sẽ nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mã Thị T đến khi cháu T trưởng thành, đủ 18 tuổi. Không yêu cầu chị Vũ Thị P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Vũ Thị P trình bày theo Biên bản lấy lời khai ngày 01-4-2020: Chị P đã nhận được toàn bộ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ khởi kiện tại Tòa án (bản photo) do anh B gửi cho chị P qua đường bưu điện. Chị P và anh B trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 12 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nông trường L, huyện V, tỉnh Hà Giang. Sau khi về chung sống với nhau, chị P và anh B chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 8 năm 2018, thì vợ chồng chị P và anh B phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do cuộc sống gia đình anh B và chị P có nhiều điều bất đồng trong việc làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Nay anh B có đơn xin ly hôn với chị P, chị P nhất trí ly hôn với anh B để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị P và anh B có một con chung:

Cháu Mã Thị T – Sinh ngày: 30/6/2016.

Hiện tại, cháu T đang ở với anh B. Chị Vũ Thị P có nguyện vọng sau khi ly hôn, sẽ giao cháu Mã Thị T cho anh Mã Mí B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được vì các đương sự vắng mặt và có yêu cầu không tiến hành hòa giải (Anh B và chị P đã có đơn xin giải quyết vắng mặt). Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Anh Mã Mí B vắng mặt có lý do (đã có đơn xin giải quyết vắng mặt). Chủ tọa phiên tòa công bố toàn bộ nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn xin giải quyết vắng mặt và những tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Anh B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Về quan hệ hôn nhân, anh B có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh B ly hôn với chị P để mỗi người có một cuộc sống riêng. Về con chung, anh B

quan điểm sau khi ly hôn, sẽ nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mã Thị T đến khi cháu T trưởng thành, đủ 18 tuổi. Không yêu cầu chị Vũ Thị P phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và công nợ, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Chị Vũ Thị P vắng mặt có lý do (đã có đơn xin giải quyết vắng mặt). Chủ tọa phiên tòa công bố nội dung biên bản lấy lời khai, đơn xin giải quyết vắng mặt của chị P. Về quan hệ hôn nhân, chị P có quan điểm nhất trí ly hôn với anh B để mỗi người có một cuộc sống riêng. Về phần con chung, chị P có quan điểm sau khi ly hôn sẽ giao cháu Mã Thị T cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và công nợ, chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V về việc giải quyết vụ án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” của anh Mã Mí B đối với chị Vũ Thị P.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử anh Mã Mí B và chị Vũ Thị P ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Mã Thị T – Sinh ngày: 30/6/2016 cho anh Mã Mí B – Địa chỉ: Tổ 14, thị trấn Nông trường L, huyện V, tỉnh Hà Giang trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Mã Thị T trưởng thành, đủ 18 tuổi, kể từ ngày 06-5-2020.

Chị Vũ Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

4. Về tài sản, công nợ: Anh B và chị P không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Anh Mã Mí B có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang giải quyết việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con của anh B và chị P. Theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai và tiến hành

các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Mã Mí B và chị Vũ Thị P xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo đúng các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 10-12-2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nông trường L, huyện V, tỉnh Hà Giang nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi về chung sống với nhau vợ, chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do vợ, chồng có nhiều quan điểm bất đồng, trái ngược nhau trong công việc làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Mục đích hôn nhân không đạt được nên anh B có đơn xin ly hôn với chị P. Tòa án nhận thấy về tình trạng hôn nhân giữa anh B và chị P cuộc sống chung không hoà hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B đối với chị P là phù hợp.

Theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh Mã Mí B và chị Vũ Thị P cùng có quan điểm, đề nghị giao cháu Mã Thị T cho anh Mã Mí B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T trưởng thành, đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị Vũ Thị P cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy Tòa án cần chấp nhận quan điểm của anh B và chị P. Giao cháu Mã Thị T – Sinh ngày: 30/6/2016 cho anh Mã Mí B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Mã Thị T trưởng thành, đủ 18 tuổi, kể từ ngày 06-5-2020.

Chị Vũ Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản, công nợ: Anh Mã Mí B và chị Vũ Thị P không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Mã Mí B là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Anh Mã Mí B và chị Vũ Thị P được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Khoản 1 Điều 81; Khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện: Về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” của anh Mã Mí B đối với chị Vũ Thị P.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử anh Mã Mí B và chị Vũ Thị P ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Mã Thị T – Sinh ngày: 30-6-2016 cho anh Mã Mí B – Địa chỉ: Tổ 14, thị trấn Nông trường L, huyện V, tỉnh Hà Giang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Mã Thị T trưởng thành, đủ 18 tuổi, kể từ ngày 06-5-2020.

Chị Vũ Thị P không phải cấp dưỡng nuôi cháu Mã Thị T. Chị Vũ Thị P có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

4. Về án phí: Anh Mã Mí B phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 02242 ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang (Anh Mã Mí B đã nộp đủ tiền án phí).

5. Quyền kháng cáo: Báo cho anh Mã Mí B và chị Vũ Thị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

